BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

HỆ ĐẠI HỌC KHÓA 2 (2021 - 2025)

TT	Học kỳ	Mã HP	KHỐI KIẾN THỨC - HỌC PHẦN	Tổng số TC	Học kỳ I				Học kỳ II				Học kỳ III				Học kỳ IV				Học kỳ V				Học kỳ VI				Học kỳ VII				Học kỳ VIII				Ghi chú
					Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		M1	**KHỐI KIẾN THỨC CHUNG**	**32**																																	
			Các học phần bắt buộc	***32***																																	
1	1	POL2009	Triết học Mác-Lênin	3	3	32	8	5																													
2	2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2					2	20	8	2																									
3	3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									2	20	8	2																					
4	4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2													2	20	8	2																	
5	5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2																	2	20	8	2													
6	7	INF2001	Tin học cơ bản	2																									2	5	15	10					
7	4	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3													3	30	12	3																	
8	1	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	4	16	40	4																													
9	2	CFL2002	Tiếng Anh 2	3					3	22	20	3																									
10	6	PPE2008	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2																					2	20	8	2									
11	1	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	2	3	25	2																													
12	2	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3					3	5	37	3																									
12		GDQP	Giáo dục quốc phòng																																		
13	3	POL2007	Pháp luật đại cương	2									2	20	8	2																					
13		M2	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH**	**13**																																	
13			***Các học phần bắt buộc***	***8***																																	
14	3	CLM2200	Xã hội học đại cương	2									2	22	5	3																					
15	1	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2	2	20	8	2																													
15	2	CLM2246	Tâm lý phát triển và xã hội	2					2	20	8	2																									
16	2	CLM2203	Giới và Phát triển	2					2	25	3	2																									
16			*Các học phần tự chọn*	***5 /9***																																	
16		CLM2204	*Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam*	2																																	
17	4	PPE2022	Kỹ năng giao tiếp	2													2	20	8	2																	
17		CLM2206	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	2																																	
18	2	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3					3																												
17		M3	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**	**59**																																	
17			***Các học phần bắt buộc***	***49***																																	
18	7	CFL2013	Tiếng Anh chuyên ngành (CTXH)	4																									4	12	45	3					
19	3	CLM2207	Hành vi con người và môi trường xã hội	3									3	35	5	5																					
20	3	CLM2208	Chính sách xã hội	2									2	20	8	2																					
21	1	CLM2209	An sinh xã hội	2	2	20	8	2																													
22	7	CLM2210	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội	2																									2	20	8	2					
23	1	CLM2211	Nhập môn công tác xã hội	3	3	35	5	5																													
24	5	CLM2212	Công tác xã hội nhóm	3																	3	35	5	5													
25	4	CLM2213	*Công tác xã hội cá nhân*	3													3	35	5	5																	
26	4	CLM2214	Tham vấn	2													2	22	5	3																	
27	6	CLM2215	Tổ chức và phát triển cộng đồng	3																					3	35	5	5									
28	5	CLM2216	Công tác xã hội trong trường học	3																	3																
29	6	CLM2217	Quản lý ca	3																					3	35	5	5									
30	4	CLM2218	Thực hành công tác xã hội cá nhân	3													3	5	35	5																	
31	3	CLM2219	Đạo đức nghề nghiệp	2									2	21	5	4																					
32	6	CLM2220	Thực hành phát triển cộng đồng	2																					2	5	22	3									
33	5	CLM2221	Thực hành công tác xã hội nhóm	3																	3	5	35	5													
34	7	CLM2222	Quản trị trong công tác xã hội	2																									2	20	5	3					
35	2	CLM2223	Văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội	4					4	45	12	3																									
35			*Các học phần tự chọn*	***10 /20***																																	
36	4	CLM2224	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể trong công tác xã hội	2													2	22	5	3																	
37	6	CLM2225	Công tác xã hội với trẻ em	2																					2	22	5	3									
38	6	CLM2226	Công tác xã hội với người cao tuổi	2																					2	22	5	3									
38		CLM2227	Công tác xã hội với nhóm người dễ bị tổn thương	2																																	
38		CLM2228	Công tác xã hội trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	2																																	
38		CLM2229	Công tác xã hội trong các khu công nghiệp	2																																	
38		CLM2230	Công tác xã hội các dân tộc thiểu số	2																																	
38		CLM2231	Công tác xã hội với người nghèo	2																																	
39	7	CLM2232	Công tác xã hội trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm	2																									2	22	5	5					
40	4	CLM2233	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2													2	23	4	3																	
40		M4	**KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**	**12**																																	
40			***Các học phần bắt buộc***	***6***																																	
41	6	CLM2234	Công tác xã hội với người khuyết tật	3																					3	35	5	5									
42	5	CLM2235	Tổ chức và quản lý dự án văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội	3																	3	35	5	5													
42			*Các học phần tự chọn*	***6 /10***																																	
43	7	CLM2236	Công tác xã hội y tế - bệnh viện	2																									2	23	4	3					
43		CLM2237	Công tác xã hội tôn giáo	2																																	
43		CLM2238	Quản lý Stress với nhân viên xã hội	2																																	
44	3	CLM2239	Phương pháp dân dựng chương trình nghệ thuật trong hoạt động công tác xã hội	2									2	10	15	5																					
45	5	CLM2240	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2																	2	22	5	3													
45		M5	**KHỐI KIẾN THỨC THỰC TẾ VÀ TỐT NGHIỆP**	**16**																																	
45			***Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp***	***6***																																	
46	3	CLM2241	Thực tập công tác xã hội 1	2									2	5	23	2																					
47	8	CLM2242	Thực tập công tác xã hội 2	4																													4	10	45	5	
47			*Khối kiến thức tốt nghiệp*	***10 /20***																																	
47		CLM2243	Khóa luận tốt nghiệp	10																																	
48	8	CLM2244	Ứng dụng văn hóa nghệ thuật trong công tác xã hội	5																													5	45	20	10	
49	8	CLM2245	Thực hành công tác xã hội	5																													5				
			Tổng số tín chỉ:	***132***	**16**				**19**				**17**				**19**				**16**				**17**				**14**				**14**				
			Tổng số tiết lý thuyết:	***1041***		**126**				**137**				**153**				**177**				**117**				**174**				**102**				**55**			
			Tổng số tiết thực hành:	***601***			**94**				**88**				**77**				**82**				**58**				**55**				**82**				**65**		
			Tổng số tiết tự học:	***173***				**20**				**15**				**25**				**26**				**20**				**26**				**26**				**15**	

Tổng số tín chỉ của khóa học đã bao gồm 5 tín chỉ học phần Giáo dục thể chất

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu	Khoa Giáo dục đại cương	Khoa Văn hóa nghệ thuật	Phòng Đào tạo	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Minh Hạnh	Lương Thanh Hải	Nguyễn Đức Hoàng	Nguyễn Văn Định	PGS.TS. Đào Đăng Phượng